

Bản án số: 351/2020/DS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2020
V/v: “T/c Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thế Viễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Viên

Bà Phạm Thị Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thục Đoan – Thư ký tòa án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2020; về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 312/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 264/2020/QĐST-DS ngày M tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1973

Nơi cư trú:, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Nguyễn Tổng Văn T, sinh năm 1968; địa chỉ: 827/2 Quốc lộ 13, khu phố 1, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn:

- Ông Trần Dương T1, sinh năm 1979

- Bà Trương Hồng O, sinh năm 1983

Cùng nơi cư trú:, Phường B, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Phụng T2, sinh năm 1950

- Bà Đặng Thị D, sinh năm 1950
- Ông Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ:, Phường M, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông T2, bà D: Ông Lê Ngô Triệu M, sinh năm 1977, địa chỉ:, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 02 năm 2020, bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do quen biết ông T, bà O, nên ngày 25/12/2019 ông T có cho ông T1, bà O vay số tiền 1.000.000.000 đ (một tỷ đồng), đây là tài sản riêng của ông T, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày ký giấy vay, lãi suất vay là 3%/tháng, mục đích vay là để xử lý công việc liên quan đến việc mua bán căn nhà số: N, Phường M, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh. Hai bên có làm Giấy nhận tiền ngày 25/12/2019, ông T đã giao cho ông T1, bà O nhận đủ số tiền và người vay đã ký xác nhận là đã nhận đủ số tiền 1.000.000.000 đ (một tỷ đồng) ngay trong ngày 25/12/2019. Để đảm bảo cho việc vay tiền, ông T1, bà O có giao cho ông T giữ bản chính các giấy tờ liên quan đến căn nhà trên như: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của căn nhà N, Phường M, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy ủy quyền ngày M/01/2019 về việc ông Nguyễn Phụng T2 và bà Đặng Thị D ủy quyền cho ông Nguyễn Hoàng D được quyền giao dịch đối với căn nhà N, Phường M, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh ký tại Phòng Công chứng số 6 Thành phố Hồ Chí Minh, 47 A Nguyễn Văn Đậu, Phường 6, quận B T; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ngày 10/12/2019 giữa ông Nguyễn Hoàng D và ông Trần Dương T1 ký tại Văn Phòng Công chứng Phú Mỹ Hưng địa chỉ số: 29 NL(D3) khu biệt thự Phố kinh đô Ngân Long, đường Nguyễn Hữu T, xã Phước Kiển, huyện nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh về việc mua bán căn nhà N, Phường M, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy ủy quyền trên. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ thì vợ chồng ông T1, bà O chưa trả được khoản nào kể cả gốc và lãi cho ông T, mặc dù ông T đã nhiều lần gọi điện thoại, đến nhà đòi nợ nhưng ông T1, bà O vẫn không trả tiền.

Trong đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là đề nghị tòa án buộc ông T1, bà O phải

trả ông T số tiền gốc là 1.000.000.000 đ (một tỷ đồng) và tiền lãi với lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày 25/12/2019 đến ngày xét xử.

Do bị đơn không tới tòa án tham gia tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn.

Do việc ông T có giữ các giấy tờ liên quan đến việc giao dịch căn nhà N, Phường M, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 2063/2007/GCN ngày 04/9/2007 do Ủy ban nhân dân quận B T cấp cho ông Nguyễn Phụng T2, bà Đặng Thị D và ông Nguyễn Hoàng D là người được ông T2, bà D ủy quyền giao dịch căn nhà trên, nên Tòa án đã triệu tập ông T2, bà D và ông D tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ông Lê Ngô Triệu M đã được ông T2, bà D ủy quyền tham gia tố tụng, trong quá trình chuẩn bị xét xử bà D, ông M, ông D có trình bày là ông T2, bà D có ủy quyền cho ông Nguyễn Hoàng D để đi làm thủ tục liên quan tới căn nhà N, Phường M, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh chứ không có ủy quyền giao dịch nhà, nhưng ngày 17/9/2019 toàn bộ giấy tờ này để trong tủ của gia đình bị D đã bị mất. Ông D thừa nhận có nhận ủy quyền trên nhưng chưa làm xong việc thì nhà bà D bị mất giấy tờ. Ông D và bà D đều thừa nhận là ông D không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ ông T2, bà D có liên quan đến căn nhà trên. Ông D cam kết không ký giấy ủy quyền ngày 14/01/2019 lập tại Phòng Công chứng số 6 Thành phố Hồ Chí Minh, 47 A Nguyễn Văn Đậu, Phường 6, quận B T và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ngày 10/12/2019 giữa ông Nguyễn Hoàng D và ông Trần Dương T1 ký tại Văn Phòng Công chứng Phú Mỹ Hưng địa chỉ số: 29 NL(D3) khu biệt thự Phố kinh doanh Ngân Long, đường Nguyễn Hữu T, xã Phước Kiển, huyện nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh về việc mua bán căn nhà N, Phường M, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy ủy quyền trên. Ông M yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ để chứng minh các giấy tờ trên là giả mạo.

Tòa án đã có Công văn số: 325/TAQGV ngày 17/7/2020 để yêu cầu Văn Phòng Công chứng Phú Mỹ Hưng; địa chỉ số: 29 NL(D3) khu biệt thự Phố kinh doanh Ngân Long, đường Nguyễn Hữu T, xã Phước Kiển, huyện nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản phúc đáp cho Tòa án biết Văn Phòng có chứng thực Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ngày 10/12/2019 có số công chứng 01128, quyền số: 02 TP/CC-SCC/HĐGD giữa ông Nguyễn Hoàng D và ông Trần Dương T1 chuyển nhượng căn nhà N, Phường M, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh hay không? Ngày 31/7/2020 Văn Phòng Công

chứng Phú Mỹ Hưng có Công văn số: 75/CV-VPCC xác định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ngày 10/12/2019 nêu trên là giả mạo.

Tòa án đã có Công văn số: 326/TAQGV ngày 17/7/2020 đề yêu cầu Phòng Công chứng số 6 thành phố Hồ Chí Minh có văn bản phúc đáp cho Tòa án biết Phòng có chứng thực Giấy ủy quyền ngày M/01/2019 có số công chứng 945, quyền số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD của ông Nguyễn Phụng T2, bà Đặng Thị D ủy quyền cho ông Nguyễn Hoàng D các vấn đề có liên quan tới căn nhà N, Phường M, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh hay không ? Ngày 06/8/2020 Phòng Công chứng số 6 thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số: 240/CC6 xác định Giấy ủy quyền ngày 14/01/2019 nêu trên là giả mạo.

Ông D đã khai hiện ông Nguyễn Phụng T2, bà Đặng Thị D đã tặng cho căn nhà N, Phường M, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Nguyễn Phụng Tâm.

Ông M có nộp cho Tòa án Hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất số: 4118 ngày 27/02/2018 tại Phòng Công chứng số 6 thành phố Hồ Chí Minh về việc ông Nguyễn Phụng T2 và bà Đặng Thị D tặng cho căn nhà N, Phường M, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Nguyễn Phụng T3; Quyết định 400/QĐ-STNMT-HGCN ngày 12/6/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về việc hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 2063/2007/GCN ngày 04/9/2007 do Ủy ban nhân dân quận B T cấp cho ông Nguyễn Phụng T, bà Đặng Thị D, ông T3 được nhận tặng cho tài sản theo Hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất số: 4118 ngày 27/02/2018 tại Phòng Công chứng số 6 thành phố Hồ Chí Minh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS00200 ngày 18/6/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Phụng T3 sử dụng đất và sở hữu căn nhà N, Phường M, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, toàn bộ các giấy tờ liên quan đến căn nhà N, Phường M, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh mà ông T1, bà O giao cho ông T là không có giá trị cho việc đảm bảo số tiền vay mà chỉ cốt để cho ông T tin và giao tiền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng

dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo Giấy nhận tiền ngày 25/12/2019 trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự thì bị đơn có vay nguyên đơn tổng số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng, đến thời hạn trả nợ mà bị đơn vẫn nợ toàn bộ số tiền gốc và lãi vay của ông T. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng:

[3] Ông T có cho ông T1, bà O vay số tiền 1.000.000.000 đ (một tỷ đồng), đây là tài sản riêng của ông T, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày ký giấy vay, lãi suất vay là 3%/tháng.

Do bên vay không trả tiền nên ông T khởi kiện, quan hệ tranh chấp này là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T1, bà O có nơi cư trú tại quận Gò Vấp, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

[4] Về nội dung:

[5] Đối với yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo Giấy nhận tiền ngày 25/12/2019 trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự thì việc ông T cho ông T1, bà O vay số tiền nêu trên là có thật. Nguyên đơn yêu cầu ông T1, bà O phải trả ông T số tiền gốc là 1.000.000.000 đ (một tỷ đồng) và tiền lãi với lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày 25/12/2019 đến ngày 30/9/2020 là 09 tháng 05 ngày thì số tiền lãi là 76.083.333 đ (bảy mươi sáu triệu không trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng) là phù hợp với quy định của pháp luật và có thiện chí với bị đơn trong việc tính lãi.

[6] Căn cứ Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thấy nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[7] Hội đồng xét xử thống nhất: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông T1, bà O phải trả ông T tổng số tiền 1.076.083.333 đ (một tỷ không trăm bảy

mười sáu triệu không trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng), trong đó tiền gốc là 1.000.000.000 đồng, tiền lãi là 76.083.333 đồng, trả ngay sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật.

[8] Kể từ khi ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T1, bà O chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông T1, bà O còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông T1, bà O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 44.282.500 đ (bốn mươi bốn triệu hai trăm tám mươi hai ngàn năm trăm đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn lại cho ông Nguyễn Đức T số tiền 21.190.890 đ (hai mươi một triệu một trăm chín mươi ngàn tám trăm chín mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2019/0025584 ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều M7, Điều 150, Điều 203, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Trần Dương T1, bà Trương Hồng O phải trả ông Nguyễn Đức T tổng số tiền 1.076.083.333 đ (một tỷ không trăm bảy mươi sáu triệu không trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng), trong đó tiền gốc là 1.000.000.000 đồng, tiền lãi là 76.083.333 đồng từ việc vay tiền theo giấy nhận nợ ngày 25 tháng 12 năm 2019, trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi ông Nguyễn Đức T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Dương T1, bà Trương Hồng O chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông T1, bà O còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Dương T1, bà Trương Hồng O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 44.282.500 đ (bốn mươi bốn triệu hai trăm tám mươi hai ngàn năm trăm đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn lại cho ông Nguyễn Đức T số tiền 21.190.890 đ (hai mươi một triệu một trăm chín mươi ngàn tám trăm chín mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2019/0025584 ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND q. GV
- THA DS q. GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Hoàng Thế Viễn